

UNIT 1:**LEISURE ACTIVITIES****GETTING STARTED****I/ NEW WORDS:**

- craft	(n): đồ thủ công
- craft kit	(n): bộ dụng cụ làm thủ công
- bead	(n): hạt hột (của chuỗi hạt)
- melody	(n): (âm nhạc) giai điệu
- DIY	(n): đồ tự làm, tự sửa
- satisfied	(adj): cảm thấy hài lòng
- leisure activity	(n): h.động thư giãn n.ngơi
- It's right up my street!	đúng vị của tớ
- sticker	(n): hình dán
- savings	(n): tiền tiết kiệm
- wool	(n): len
- button	(n): cái nút, cái khuy